**Phân tích đoạn 2 Bình Ngô đại cáo – Mẫu 7**

Được mệnh danh là áng thiên cổ hùng văn của dân tộc, là bản tuyên ngôn độc lập thứ 2 sau Nam quốc sơn hà, Bình Ngô đại cáo là một tác phẩm xuất sắc mà ở đó ta có thể thấy được tinh thần dân tộc của Nguyễn Trãi, đó là tấm lòng yêu nước, thương dân tha thiết, lòng căm thù quân giặc sâu sắc. Dựa trên việc khẳng định chân lý chủ quyền dân tộc cùng với tư tưởng nhân nghĩa mới mẻ, "việc nhân nghĩa cốt ở yên dân", tác phẩm đã mang đến cho người đọc những nhận thức chân thực về cuộc chiến chống quân Minh xâm lược. Nguyễn Trãi chia bài cáo làm 4 phần với 4 nội dung chính, trong đó có một phần phản ánh sự tàn ác của giặc Minh những năm tháng đô hộ hộ nước ta là phần có vai trò quan trọng trong bài cáo, cần lưu tâm để càng thấm thía hơn nỗi đau mất nước những năm tháng đã qua.

Bọn giặc Minh cướp nước, ấp ủ âm mưu xâm lược bấy lâu, nhưng lại còn ra vẻ sợ người đời dị nghị thế nên mới nghĩ ra cái cớ "phù Trần diệt Hồ" để bịp bợm thiên hạ, lừa lọc nhân dân ta, từ đó có cớ dẫn quân sang xâm lược. Quả thật bọn bất nhân, bất nghĩa thì chẳng chuyện gì mà không vẽ ra được. Đã thế trong nước thì lòng dân oán hận ngập trời, "Bọn gian tà bán nước cầu vinh", bán cả tự tôn dân tộc để tham chút lợi nhỏ bé, mở đường cho giặc vào tàn sát người mình, ôi chẳng có thứ người nào lại nhẫn tâm đến vậy.

Từ ngày giặc Minh tràn vào, nhân dân ta chẳng có một ngày được sống yên ổn, chúng ra sức tàn sát, âm mưu diệt chủng những kẻ kháng cự, không nghe lời bằng những phương thức hết sức dã man, rùng rợn, tựa bọn quỷ sa tăng hút máu. Nào là "Nướng dân đen trên ngọn lửa hung tàn", "Vùi con đỏ xuống dưới hầm tai vạ". Đã thế còn liên tiếp bịp bợm "Dối trời lừa dân đủ muôn nghìn kế", gieo rắc thù oán hết gần 20 năm trời đằng đẵng. Kẻ chết đã chết, nhưng người sống chúng cũng phải tìm mọi cách mà bóc lột mà hành hạ, biến nhân dân ta thành nô lệ, thành những công cụ biết nói, ép nhân dân ta phải tự đi vơ vét tài nguyên của đất nước mà cung phụng cho chúng.

"Nặng thuế khóa sạch không đầm núi.

Người bị ép xuống biển dòng lưng mò ngọc, ngán thay cá mập thuồng luồng.

Kẻ bị đem vào núi đãi cát tìm vàng, khốn nỗi rừng sâu nước độc.

Vét sản vật, bắt dò chim trả, chốn chốn lưới chăng.

Nhiễu nhân dân, bắt bẫy hươu đen, nơi nơi cạm đặt."

Nhưng những thứ quý hiếm ấy có phải đâu dễ tìm, người xuống biển sâu chết không thấy xác, kẻ lên rừng, vào núi thì hùm beo rình rập. Đã thế chúng còn bắt nhân dân ta phải tìm cả những thứ cực quý như chim trả, hươu đen, phải giăng lưới, đặt bẫy có khi chẳng bắt được mà còn đi nhầm cả vào bẫy thú vật. Ôi thật xót xa cho cảnh khốn khổ tột cùng! Hậu quả để lại là môi trường liên tiếp bị hủy hoại tàn phá, chim muông cây cỏ cũng chẳng còn chỗ nương thân, phụ nữ bỗng trở thành kẻ góa bụa, gia đình đang yên ổn canh cửi nay cũng thuận đà tan tác cả, còn đâu chốn làng quê yên bình, đẹp đẽ, còn đâu tiếng người cười nói dẫn nhau ra đồng, mất hết rồi.

Đối lập với khung cảnh khốn khổ, tiêu điều cùng cực ấy thì giặc Minh lại hiện lên với một hình ảnh hoàn toàn đối lập "Thằng há miệng, đứa nhe răng, máu mỡ bấy no nê chưa chán", quân giặc thì no nê phè phỡn, đúng cảnh kẻ thì ăn không hết người thì lần chẳng ra. Phu phen tạp dịch cứ áp lên người nông dân cơ cực, nào thì xây nhà, đắp đất chẳng bao giờ hết việc, còn bọn chúng thì nghênh ngang ra sức đòn roi mà quất, mà sai bảo chẳng thương tiếc. Sự độc ác, tàn bạo của giặc Minh được Nguyễn Trãi dùng những cái vô cùng, vô tận của thiên nhiên mà so sánh, trúc Nam Sơn biết bao nhiêu cây chẳng đếm được, ấy thế mà cũng không đủ để chép tội quân Minh, biển Đông Hải bao la rộng lớn cũng nào đủ để rửa sạch mùi tàn ác, dơ bẩn của chúng. Tội ác của quân Minh nhiều không kể xiết là như vậy, đến muôn ngàn đời đi nữa vẫn còn lưu trong sử sách chẳng phai mờ. Nguyễn Trãi đã phải thốt lên bằng một giọng đầy đau đớn và căm phẫn: "Lẽ nào trời đất dung tha? Ai bảo thần dân chịu được?", ông tin vào thiên mệnh, vào trời đất, tin rằng tất có người trừng trị được kẻ thủ ác, bởi trời đất vốn có mắt, rồi quân Minh sẽ chẳng thoát khỏi sự trừng phạt đích đáng cho những tội lỗi mà chúng gây ra trên đất Đại Việt. Câu hỏi chính là lời cảnh báo đầy bi thương và căm thù dành cho quân Minh để kết thúc phần hai của bài cáo.

Với một giọng văn đầy đau xót, bi thương tột cùng, Nguyễn Trãi vừa vạch trần âm mưu xâm lược nước ta vừa phản ánh được sự tàn ác, man rợ của chúng đối với dân tộc Đại Việt. Đồng thời ông cũng thể hiện được tư tưởng nhân nghĩa của mình khi trở thành người đứng về phía nhân dân, lên án tội ác của giặc, có tình cảm xót thương sâu sắc khi quyền sống của nhân dân bị chà đạp bị coi thường bởi quân thù. Phần hai có ý nghĩa như là lời buộc tội đầy đanh thép của quan tòa dành cho kẻ phạm tội và nguyên nhân trực tiếp diễn ra cuộc khởi nghĩa Lam Sơn sau này.